

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT**



**HCMUTE**

**MÔN HỌC: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN**

**TIỂU LUẬN**

**LÝ LUẬN VỀ QUY LUẬT CỦA SỰ PHÙ HỢP GIỮA  
QUAN HỆ SẢN XUẤT VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN  
CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, LIÊN HỆ VỚI QUÁ  
TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY**

**GVHD: TS. NGUYỄN THỊ TRI LÝ**

**SVTH:**

1. Nguyễn Ngọc Hải 23133021
2. Vũ Đức Hoàng 23133025
3. Phạm Trần Quốc Bảo 23133006
4. Hà Sinh Cung 23133009
5. Nguyễn Phước Thịnh 23133074

**Mã lớp học: LLCT130105\_23\_1\_41**

**Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 12 năm 2023**

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Điểm: .....

KÝ TÊN

# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1: PHẦN MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1.Lý do chọn đề tài .....	1
2.Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu .....	2
3.Phương pháp nghiên cứu .....	2
4.Kết cấu đề tài .....	2
<b>PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA SỰ PHÙ HỢP GIỮA QUAN HỆ SẢN XUẤT VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT .....</b>	<b>3</b>
<b>2.1. Những vấn đề cơ bản về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất .....</b>	<b>3</b>
2.1.1. Lực lượng sản xuất và các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất.....	3
2.1.2. Quan hệ sản xuất và các yếu tố cấu thành quan hệ sản xuất .....	3
2.1.3. Tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .....	4
<b>2.2. Nội dung và vị trí của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất .....</b>	<b>5</b>
2.2.2. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất .....	5
2.2.3. Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đến lực lượng sản xuất.....	6
2.3. Ý nghĩa nghiên cứu vấn đề .....	9
2.3.1. Ý nghĩa lý luận .....	9
2.3.2. Ý nghĩa thực tiễn .....	9
<b>PHẦN 3: KIẾN THỨC LIÊN HỆ: LIÊN HỆ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỚI QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>10</b>

<b>3.1. Biểu hiện của mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong nền kinh tế Việt Nam .....</b>	<b>10</b>
3.1.1. Vài nét về sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở nước ta trước đổi mới(1986).....	10
3.1.2. Thực trạng nền kinh tế Việt Nam sau đổi mới.....	12
<b>3.2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam .....</b>	<b>14</b>
3.2.1. Khái quát về nền kinh tế hàng hóa và nền kinh tế thị trường.....	15
3.2.2. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa .....	16
<b>3.3. Quá trình vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của Đảng ta trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa .....</b>	<b>20</b>
3.3.1. Những thành tựu đạt được qua việc thực hiện đường lối đổi mới kinh tế .....	20
3.3.2. Những hạn chế qua việc thực hiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam .....	21
3.3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	22
<b>PHẦN 4: KẾT LUẬN.....</b>	<b>23</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>24</b>



## Phần 1

### PHẦN MỞ ĐẦU

#### 1.1 Lý do chọn đề tài

Quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một trong những quy luật cơ bản nhất của sự phát triển lịch sử xã hội loài người. Quy luật này cho ta thấy giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất có mối quan hệ biện chứng, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất còn quan hệ sản xuất tác động ngược trở lại lực lượng sản xuất. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì sẽ thúc đẩy xã hội phát triển, ngược lại, nó sẽ kìm hãm sự phát triển, tác động tiêu cực đến xã hội.

Đối với lịch sử phát triển của mỗi đất nước đều phụ thuộc vào con người và từ sản xuất của con người đã tạo nên một nền kinh tế của một đất nước. Theo từng giai đoạn, trình độ phát triển và sản xuất của con người cũng tiến bộ giúp thế giới đến và qua các mốc cách mạng 1.0 đến 4.0. Việt Nam là một nước đang phát triển, đang trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế nước ta đang theo thiên hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, việc vận dụng quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với việc nghiên cứu, phân tích và đánh giá mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay. Trong đề tài này, ta sẽ tập trung vào việc khám phá cách mà quy luật này được thể hiện trong quá trình đổi mới kinh tế của Việt Nam, cũng như những tác động mà nó có đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, giúp ta hiểu rõ và đề xuất các giải pháp, chiến lược để tối ưu hóa sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách hiệu quả và bền vững trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay. Dựa vào tình hình của Việt Nam trong giai đoạn đang phát triển, nhóm quyết định chọn đề tài ***"Lý luận về quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản***

*xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, liên hệ với quá trình đổi mới kinh tế của Việt Nam hiện nay” làm đề tài nghiên cứu của mình*

## **1.2.Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

Hiện nay, quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ, việc nhận thức và vận dụng đúng đắn quy luật này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đưa nước ta tiến đến xã hội chủ nghĩa. Vì vậy nhóm hướng tới mục đích là nắm bắt rõ về quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, liên hệ với quá trình đổi mới kinh tế của Việt Nam hiện nay.

Để đạt được mục tiêu này, đề tài cần giải quyết một số nhiệm vụ. Trước hết là tìm hiểu quy luật của sự phù hợp đối với quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nhờ đó, nhóm có thể hiểu rõ ý nghĩa của quy luật và có thể liên hệ thực tế với quá trình đổi mới kinh tế của Việt Nam hiện nay.

## **1.3.Phương pháp nghiên cứu**

Bài luận dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử kết hợp với một số phương pháp để phân tích như: lịch sử-logic, phân tích-chứng minh, đưa ra ví dụ, ...

## **1.4.Kết cấu đề tài**

Bài tiểu luận gồm 4 phần:

Phần 1:Lý do chọn đề tài

Phần 2:Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Phần 3:Phương pháp nghiên cứu

Phần 4:Kết cấu đề tài

## **Phần 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA SỰ PHÙ HỢP GIỮA QUAN HỆ SẢN XUẤT VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT**

#### **2.1. Những vấn đề cơ bản về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất**

##### **2.1.1. Lực lượng sản xuất và các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất**

Lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, có thể tạo ra sức sản xuất và năng lực thực tiễn, làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội.

Thông qua khái niệm trên, ta thấy về mặt cấu trúc, lực lượng sản xuất được chia ra với 2 thành phần chính là người lao động và tư liệu sản xuất. Người lao động là con người có kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động và năng lực sáng tạo nhất định trong quá trình sản xuất của xã hội. Còn tư liệu sản xuất là điều kiện vật chất cần thiết để tổ chức sản xuất, vì vậy con người không thể thực hiện việc sản xuất mà thiếu đi tư liệu sản xuất, tư liệu ấy được tách ra thành đối tượng lao động và tư liệu lao động. Đối tượng lao động là những yếu tố vật chất của sản xuất mà con người dùng tư liệu lao động tác động lên, từ đó biến đổi chúng cho phù hợp với mục đích sử dụng của con người. Tư liệu lao động là những yếu tố vật chất của sản xuất mà con người dựa vào đó để tác động lên đối tượng lao động, biến chúng thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất của con người. Trong đó, công cụ lao động và phương tiện lao động là 2 thứ cấu thành nên tư liệu lao động. Công cụ lao động là những phương tiện vật chất mà con người trực tiếp sử dụng để tác động vào đối tượng lao động, cải biến chúng, tạo ra của cải vật chất phục vụ nhu cầu của con người và xã hội. Phương tiện lao động là những yếu tố vật chất, cùng với công cụ lao động mà con người sử dụng để tác động lên đối tượng lao động trong quá trình sản xuất vật chất.

Có thể nói rằng, người lao động đóng vai trò quyết định, là nhân tố chủ chốt quyết định tư liệu sản xuất, bởi họ là chủ thể sáng tạo và sử dụng công cụ lao động. Còn tư liệu sản xuất mà cụ thể ở đây là công cụ lao động đóng vai trò cơ bản cho quá trình sản xuất.



### **2.1.2. Quan hệ sản xuất và các yếu tố cấu thành quan hệ sản xuất**

Quan hệ sản xuất là tổng hợp các quan hệ kinh tế - vật chất giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

Mỗi quan hệ này được chia ra làm ba phần chính gồm quan hệ về sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất và quan hệ về phân phối sản phẩm lao động. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất là quan hệ giữa các tập đoàn người trong việc chiếm hữu, sở hữu và sử dụng các tư liệu sản xuất xã hội. Họ nắm trong tay quyền tự quyết trong việc quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm, vì vậy tập đoàn người nào càng nắm nhiều tư liệu sản xuất thì càng có quyền quyết định việc đi lên hay đi xuống của nền kinh tế.

Quan hệ về tổ chức và quản lý sản xuất là quan hệ giữa các tập đoàn người trong việc tổ chức sản xuất và phân công lao động. Quy mô tổ chức và phân công lao động có thể tùy thuộc vào các tập đoàn người, tuy nhiên để có thể đạt được hiệu quả kinh tế cao thì cần tổ chức và phân công một cách hợp lý.

Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động là quan hệ giữa các tập đoàn người trong việc phân phối các sản phẩm lao động xã hội, nói lên cách thức và quy mô của cải vật chất mà các tập đoàn người được hưởng. Việc phân phối hiện nay khá đa dạng như đường bộ, đường thủy, đường hàng không,... cộng thêm sự toàn cầu hóa khiến cho việc phân phối sản phẩm khá thuận tiện và dễ dàng, kích thích nền kinh tế phát triển mạnh mẽ.

Tóm lại, các mối quan hệ có tác động qua lại với nhau, chuyển hóa lẫn nhau, trong đó quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất là yếu tố hàng đầu, quyết định đến các quan hệ khác.

### **2.1.3. Tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất**

Tính chất của lực lượng sản xuất bao gồm bên trong là tính chất cá nhân và bên ngoài là tính chất xã hội hóa.

Trình độ của lực lượng sản xuất là sự phát triển của người lao động và công cụ lao động. Lực lượng lao động có thể phát triển thông qua lao động, tức là học tập và làm việc, từ đó nâng cao tay nghề, tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng lao động. Đối với công cụ lao động, việc tư duy sáng tạo, đổi mới liên tục của con người là một công việc liên tục và xuyên suốt, tạo ra công cụ lao động mới năng suất hơn, hiệu quả hơn. Trong thời kì chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, việc đòi hỏi một lực lượng lao động mới và công cụ lao động mới là vô cùng cấp thiết. Điển hình là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) có thể thay thế lực lượng sản xuất, đặc biệt là lập trình viên trong ngành công nghệ thông tin. Hoặc sự lên ngôi của các công nghệ cao khác như cánh tay robot phục vụ cho y tế, sản xuất,...

Có thể nói, tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có mối quan hệ không thể tách rời nhau, có quan hệ hữu cơ với nhau.

## **2.2. Nội dung và vị trí của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất**

### **2.2.1. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất**

Nghiên cứu sự phát triển của lực lượng sản xuất trong lịch sử, C. Mác khẳng định: “Tri thức xã hội phổ biến [Wissen, knowledge] đã chuyển hóa đến mức độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp”<sup>1</sup>. Ngày nay và trong tương lai tới, thế giới đang diễn ra cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, tiến bộ và sẽ phát triển một cách nhanh chóng, khoa học giờ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Sự phát triển và vận động của phương thức sản xuất bắt nguồn từ sự thay đổi của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất, bao gồm lao động, đối tượng lao động và phương tiện lao động, là yếu tố động lực của quá trình sản xuất, luôn luôn vận động và phát triển,

---

<sup>1</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Sđd, t.46, ph.II, tr.372

trong khi quan hệ sản xuất, là mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, có tính ổn định tương đối. Theo quan điểm Mác-Lênin, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất. Điều này có nghĩa là khi lực lượng sản xuất phát triển đến một mức độ nhất định, nó sẽ tạo ra một loại quan hệ sản xuất mới phù hợp với nó. Ví dụ sự phát triển của công nghiệp hóa đã tạo ra quan hệ sản xuất tư bản, trong đó lao động trở thành một hàng hóa có thể mua bán.

Tuy nhiên, quan hệ sản xuất cũng có thể trở thành rào cản cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Khi điều này xảy ra, xã hội sẽ trải qua một cuộc cách mạng để thay đổi quan hệ sản xuất, tạo ra một hệ thống mới phù hợp với lực lượng sản xuất. C. Mác đã nêu tư tưởng về vai trò của sự phát triển lực lượng sản xuất đối với việc thay đổi các quan hệ xã hội: "Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình, và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, các cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp"<sup>2</sup>. Vì vậy mà lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, quyết định nội dung và tính chất của quan hệ sản xuất. Con người đã phát hiện và giải quyết mâu thuẫn thông qua nhận thức và ứng dụng trong thực tiễn, thiết lập sự phù hợp mới làm cho quá trình sản xuất phát triển hoàn thiện hơn.

### **2.2.2. Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đến lực lượng sản xuất**

Do quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của quá trình sản xuất có tính độc lập tương đối nên tác động mạnh mẽ trở lại đối với lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất không chỉ bị quyết định bởi lực lượng sản xuất mà còn tác động trở lại lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất có thể tạo ra điều kiện thuận lợi hoặc trở ngại cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ví dụ, trong xã hội tư bản, quan hệ sản xuất tư bản tạo ra điều kiện cho sự phát triển

---

<sup>2</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.187.

của lực lượng sản xuất thông qua việc tạo ra cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất tư bản cũng tạo ra trở ngại cho sự phát triển của lực lượng sản xuất khi tạo ra sự mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, dẫn đến các cuộc khủng hoảng kinh tế, như cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ các nước tư bản với việc chạy đua sản xuất hàng loạt sản phẩm và hàng hoá số lượng lớn, mong đạt được lợi nhuận không lồ. Nhưng người dân không tiêu thụ hết dẫn tới thừa ế sản phẩm và hàng hoá tràn lan, tạo nên sự mất cân bằng giữa cung và cầu, tiền mất giá, tài chính đi xuống trầm trọng, hay sự mất cân bằng giữa nhà cửa và người ở các đô thị Việt Nam.

Nếu quan hệ sản xuất, xuất hiện trước hay có sau trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đều là không phù hợp. Sự phù hợp không có nghĩa là đồng nhất tuyệt đối mà chỉ là tương đối. Sự phù hợp diễn ra trong sự vận động và phát triển, là một quá trình thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất quy định mục đích, xu hướng phát triển của nền sản xuất xã hội, hình thành hệ thống động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, đem lại năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền sản xuất. Sự tác động của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất diễn ra theo hai chiều hướng là thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất thì nền sản xuất phát triển đúng hướng, quy mô sản xuất được mở rộng, người lao động tạo sản phẩm chất lượng được cao, lợi ích của người lao động được đảm bảo và thúc đẩy sản xuất. Nếu quan hệ sản xuất trở thành rào cản cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, xã hội sẽ trải qua một thời kỳ đấu tranh để thay đổi quan hệ sản xuất, tạo ra một hệ thống mới phù hợp với lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, kìm hãm đó chỉ diễn ra trong những giới hạn, với những điều kiện nhất định. Sự vận động của mâu thuẫn biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất diễn ra là từ phù hợp đến không phù hợp, và tới sự phù hợp mới ở trình độ cao hơn. C. Mác khẳng định: “Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có... trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những

quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội”<sup>3</sup>. Như vậy ta biết được quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất có một mối quan hệ tác động lẫn nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đẩy mạnh sự thay đổi của quan hệ sản xuất, và ngược lại, quan hệ sản xuất mới tạo điều kiện cho sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong bối cảnh của xã hội chủ nghĩa, quy luật về mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất được xác định bởi các yếu tố khách quan và chủ quan. Quy luật này có những đặc điểm riêng biệt của nó. Phải có sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Do đó mà phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa dần dần loại bỏ sự đối kháng trong xã hội. Sự phù hợp không tự nhiên hình thành mà đòi hỏi qua một quá trình nhận thức và áp dụng quy luật. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội chủ nghĩa có thể bị "biến dạng" nếu quy luật không được nhận biết và áp dụng một cách chính xác.

Quy luật của sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một quy luật quan trọng của xã hội loài người. Sự hiểu biết về quy luật này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cách thức xã hội phát triển và thay đổi.

Lực lượng sản xuất, bao gồm lao động, đối tượng lao động và phương tiện lao động, là yếu tố quyết định quan hệ sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển đến một mức độ nhất định, nó đòi hỏi một loại quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển của nó. Điều này cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

---

<sup>3</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Sđd, t.13, tr.15.

Quan hệ sản xuất cũng có tác động trở lại đến lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất tạo ra môi trường xã hội trong đó lực lượng sản xuất phát triển. Nếu quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nó có thể cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Điều này cho thấy sự tương tác lẫn nhau giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Nhìn chung, quy luật này cho thấy sự phát triển của xã hội không chỉ do sự phát triển của lực lượng sản xuất mà còn do sự tương tác giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Hiểu rõ quy luật này giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về cách thức xã hội phát triển và thay đổi, từ đó giúp chúng ta định hình được hướng đi cho tương lai xã hội.

### **2.3. Ý nghĩa nghiên cứu vấn đề**

#### **2.3.1 Ý nghĩa lý luận**

Quy luật này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cơ chế hoạt động của xã hội loài người. Nó cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, và làm sáng tỏ cách thức lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất. Đồng thời, nó cũng cho thấy sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất. Quy luật này là một công cụ lý thuyết quan trọng để nghiên cứu và phân tích sự phát triển của xã hội.

#### **2.3.2 Ý nghĩa thực tiễn**

Trong thực tế, quy luật này có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh chính sách và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nó giúp chúng ta nhận biết được những mâu thuẫn và vấn đề có thể phát sinh khi quan hệ sản xuất không còn phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp. Đồng thời, quy luật này cũng giúp chúng ta nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển lực lượng sản xuất trong việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội, vì vậy nó mang một ý nghĩa to lớn.

Tại Việt Nam, quy luật về mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã được áp dụng một cách hiệu quả. Việt Nam đã chuyển từ một nền kinh tế theo kế hoạch sang một nền kinh tế thị trường có sự điều chỉnh của Nhà nước. Điều này đã tạo ra một loại quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và đã đạt được những bước tiến đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

### **Phần 3**

## **LIÊN HỆ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỚI QUÁ TRÌNH ĐỔI KINH TẾ CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1. Biểu hiện của mối quan hệ giữa mỗi quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong nền kinh tế Việt Nam**

#### **3.1.1. Vài nét về sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở nước ta trước đổi mới (1986)**

Trước thời kỳ đổi mới, từ năm 1954 - 1975, miền Bắc đã được hoàn toàn giải phóng. Đảng ta quyết định đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong giai đoạn này, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp vô cùng lạc hậu với lực lượng sản xuất vẫn còn thấp kém, vẫn còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu. Đảng và nhà nước ta đã chủ trương việc khôi phục kinh tế, khôi phục lại quan hệ sản xuất cũ và xây dựng nên quan hệ sản xuất chủ nghĩa.

Từ năm 1955 – 1957, Miền Bắc có nhiều tiến bộ về mặt kinh tế nhưng vẫn còn gặp rất nhiều những điều không thuận lợi. Sau đó từ những việc những việc khó khăn mà Đảng ta lấy làm động lực cho việc thúc đẩy hợp tác hóa trong nông nghiệp và quyết định chọn kinh tế hợp tác xã làm trọng tâm.

Từ năm 1966 – 1975, mặc dù với trình độ thấp kém, cơ sở vật chất không được hiện đại, đội ngũ cán bộ quản lý chưa qua đào tạo bài bản nhưng Đảng vẫn mở rộng quy mô hợp tác xã trong nông nghiệp từ nhỏ đến lớn, điều này gây trở ngại không hề nhỏ trong việc phát triển kinh tế trong điều kiện kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với việc chưa có kinh nghiệm đi lên chủ nghĩa xã hội, trong khoảng thời gian này, đối với việc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa theo mô hình Liên Xô cho kinh tế miền Bắc trong khi vẫn còn sự thấp kém trong trình độ sản xuất, nhu cầu cao đó khó có thể nào thực hiện vì thế việc thúc đẩy năng suất lao động phát triển là một điều vô cùng khó khăn mặc dù có lúc rất thích hợp để làm việc đó.



Từ năm 1975 – 1986, khi miền Nam đã giải phóng hoàn toàn, đất nước đã được thống nhất, Đảng ta mở Hội nghị Trung ương lần thứ 24 khóa III, tại đây có 3 thành phần kinh tế miền Bắc và 5 phần kinh tế miền Nam được thừa nhận chính thức. Mặc dù thành phần kinh tế chưa được phân định rõ ràng nhưng đây chính là nền tư tưởng của nền kinh tế đa thành phần, tuy nhiên, trong thực hiện cải tạo quan hệ sản xuất sau khi giải phóng đã không có sự nhất quán thực hiện quá trình tổ chức này. Mặc khác, với việc xóa bỏ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ kinh tế thị trường tự do, tư bản phi xã hội chủ nghĩa, đối lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, bác bỏ hai hình thức cá nhân và tập thể theo mô hình Liên Xô. Lúc đầu là biểu hiện của việc đạt được thành quả to lớn trong chiều hướng gặp nhiều khó khăn, song với đó lại xảy ra thêm nhiều vấn đề phát sinh mang tính tiêu cực cần phải được giải quyết triệt để. Đã xảy ra những điều khủng hoảng nghiêm trọng, khiến đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng khi đưa mô hình này áp dụng rộng rãi trên cả nước. Nguyên nhân chính là vì trong thời kỳ đất nước thời bình có sự không phù hợp và vượt quá xa trình độ phát triển lực lượng sản xuất đó là việc xác định “quan hệ sản xuất”.

Trước những gì đang diễn ra, một số vùng nước ta đã phải tự tìm cho mình con đường để thoát để có thể giải bài toán kinh tế. Với tình hình cấp bách đó, vào tháng 8/1979, Ban Chấp hành Trung ương khóa IV đã mở ra cuộc họp Hội nghị lần thứ 6 và rút ra nhận định: có quá nhiều sự hấp tấp, thiếu căn cứ thực tiễn mà Đảng đã đề ra, Trung ương đã đề ra những biện pháp để có thể thay đổi như thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, thừa nhận kinh tế hộ như một bộ phận của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đã có nhiều bước đột phá mới kể từ khi Hội nghị Trung ương 6 Khóa IV (tháng 8/1979) đã chủ trương và quyết tâm làm cho sản xuất “bung ra”; về phần hình thức quản lý sản xuất và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã hội nông nghiệp đã có chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư khóa IV đề ra. Đánh dấu bước đột phá thứ hai bằng chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thừa nhận sản xuất hàng hóa và các quy luật của

sản xuất hàng hóa ở hội nghị Trung ương 8 khóa V (6/1985). Để chuẩn bị cho công cuộc đổi mới năm 1986, Bộ Chính trị đã kết luận với một số điều lớn thuộc về quan điểm kinh tế như: xóa bỏ kinh tế tập trung bao cấp, sử dụng đúng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thực hiện kinh tế bằng hàng hóa nhiều thành phần. Điều cốt lõi nhất để có thể phục hồi lại nền kinh tế, khắc phục khủng hoảng, nâng cao đời sống của nhân dân và là cải tạo lại quan hệ sản xuất sao cho phù hợp với trình độ hiện có của nước ta.

### **3.1.2. Thực trạng nền kinh tế Việt Nam sau đổi mới**

Đại hội lần thứ VI của Đảng có sự thay đổi mới mẻ về nhận thức và sử dụng hợp lý quy luật quan hệ sản xuất thích hợp với quá trình về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất vì đó là dấu mốc quan trọng đánh dấu công cuộc đổi mới toàn bộ đất nước. Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng ta đã chính thức nhận định về bệnh chủ quan, duy ý chí là một thứ không tốt và vi phạm về yếu tố khách quan, “đã có những biểu hiện mang tính nóng vội, đồng thời cũng thực hiện việc xóa bỏ ngay thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng thực hiện thay đổi nền kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh, tập trung vào việc biến đổi tích cực mặt sở hữu về tư liệu sản xuất mà không quan tâm tới việc để ý đến giải quyết vấn đề tổ chức và phân phối”, tất cả điều trên đều được dựa vào cơ sở nhìn thẳng vào vấn đề thực tế, đánh giá đúng tình hình. Cũng nhờ những điều trên mà những nhận thức cũng như là cả hành động, bản thân chúng ta vẫn chưa chấp nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta thực chất đã tồn tại trong một khoảng thời gian khá dài, để mà nâng cao, phát triển lực lượng sản xuất thì vẫn chưa nắm vững được và sử dụng hợp lý quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đại hội VI đã đề ra thêm 5 mục tiêu cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội, trong đó “Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới thích hợp với tính chất và khả năng phát triển của lực lượng sản xuất”, “Trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới; trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô mới thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển” thuộc mục tiêu thứ ba.

Đại hội lần thứ VII (1991) đã nói lên 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bước đầu đạt một số thành tựu đáng kể, đặc biệt, về đổi mới kinh tế. So với Đại hội VI, tại đại hội VII, Đảng ta đã tạo ra một bước tiến lớn hơn trong sự nhận thức về việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù vẫn còn khá nhiều khuyết điểm, bất lợi. Có bảy phương hướng được trình bày trong Cương Lĩnh và với phương hướng thứ ba Đảng khẳng định, càng ngày sự thích hợp về sự phát triển lực lượng sản xuất trong quan hệ sản xuất cũng đã tiến bộ rõ rệt hơn, tạo ra từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu.

Tại đại hội lần thứ IX của Đảng, với việc kế thừa những kết quả tốt đẹp của công cuộc đổi mới, đặc biệt trong việc tiếp phát triển, xây dựng mới quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, Đảng ta còn bổ sung thêm thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

## **3.2. Tính tất yếu của việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

### **3.2.1. Khái quát về nền kinh tế hàng hóa và nền kinh tế thị trường**

Vào thời nguyên thủy, con người chủ yếu sinh sống bằng cách săn bắn và thu lượm, sản phẩm tự cung tự cấp, người nào săn được nhiều thì ăn nhiều, người nào săn bắn được ít thì ăn ít. Dần dần, hàng hóa mà người săn bắn nhiều trở lên dư thừa và nhu cầu trao đổi với người khác nảy sinh. Nền kinh tế hàng hóa cũng từ đó mà được hình thành.

Nền kinh tế hàng hóa đặt trọng tâm vào sự phân công lao động và trao đổi hàng hóa giữa người này và người khác. Có thể hiểu một cách đơn giản, A sản xuất được nhiều gạo và B sản xuất được nhiều thịt, A đổi gạo cho B để lấy thịt và ngược lại. Sản phẩm gạo và thịt ở đây chính là hàng hóa được trao đổi. Nền kinh tế này phát triển từ sự trao đổi này, tạo nên kinh tế hàng hóa.

Ở giai đoạn sơ khai, trao đổi hàng hóa thường diễn ra trực tiếp, gọi là hàng đổi hàng. Người sản xuất gạo và cần thớt có thể gặp người sản xuất thịt và cần gạo để đổi trực tiếp gạo lấy thịt. Mặc dù đã là kinh tế hàng hóa. Tuy nhiên, nếu không gặp được người có thứ mình cần và cần thứ mình có, thì trao đổi không được diễn ra.

Kinh tế hàng hóa là một hình thái phát triển của nền sản xuất xã hội, cao cấp hơn so với mô hình tự cung tự cấp, trong đó sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi thông qua mua bán trên thị trường. Quan hệ hàng hoá - tiền tệ trở thành yếu tố chủ đạo trong quan hệ kinh tế, đối lập với kinh tế tự nhiên với quan hệ hiện vật. Theo C.Mác, Kinh tế hàng hóa là một giai đoạn phát triển nhất định trong lịch sử phát triển của xã hội theo tiến trình: kinh tế tự nhiên - kinh tế hàng hoá - kinh tế sản phẩm. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản về tổng thể là một nền kinh tế hàng hoá. Sự tồn tại của sản xuất hàng hóa yêu cầu phân công lao động xã hội và sự độc lập kinh tế giữa những người sản xuất. Đặc trưng chung của kinh tế hàng hoá trong bất kì chế độ xã hội nào là sự tồn tại hình thái giá trị và thị trường, trong đó giá trị của hàng hoá - lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó, được đo bằng tiền tệ và mang hình thái giá cả; quy luật đặc trưng của sản xuất hàng hoá là quy luật giá trị, và những quy luật liên quan như quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ, quy luật hàng hoá được trao đổi theo nguyên tắc ngang giá.

Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà ở đó các quan hệ kinh tế đều được thực hiện trên thị trường, thông qua quá trình trao đổi mua bán. Quan hệ hàng hóa - tiền tệ phát triển đến một trình độ nhất định sẽ đạt đến kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển của kinh tế hàng hóa dựa trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất. Trong những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, sự phát triển của kinh tế hàng hóa, tất nhiên, chịu sự tác động của những quan hệ xã hội nhất định hình thành nên các chế độ kinh tế - xã hội khác nhau. Vì vậy, không thể nói kinh tế hàng hóa là sản phẩm của một chế độ kinh tế - xã hội nào mà phải hiểu rằng nó là một sản phẩm của quá trình phát triển của lực lượng sản xuất xã hội loài người, nó xuất hiện và tồn tại trong nhiều phương thức sản xuất xã hội và đạt đến trình độ cao hơn đó là kinh tế thị trường.

Kinh tế hàng hoá và kinh tế thị trường có những điểm giống và khác nhau cả về nguồn gốc ra đời của hai hình thái kinh tế. Nền kinh tế thị trường có trình độ phát triển cao hơn so với nền kinh tế hàng hóa vì nền kinh tế thị trường ra đời muộn hơn và có sự học hỏi từ các mô hình kinh tế trước. Nền kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà ở đó người mua bán chịu tác động rất lớn của quan hệ cung-cầu. Nguồn cung lớn trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp, dưới tác động này của thị trường tiêu thụ sẽ khiến nhà sản xuất phải điều chỉnh sản xuất và ngược lại, nhu cầu thị trường cao sẽ thúc đẩy nguồn cung tăng mạnh.

Cụ thể, nền kinh tế hàng hoá ra đời từ nền kinh tế tự nhiên – nền kinh tế mà trong đó sản xuất nhỏ chiếm ưu thế nhưng còn ở trình độ thấp. Đơn giản trong mô hình kinh tế này là sự trao đổi hàng hóa chứ không tính đến lợi nhuận, đổi cái mình làm ra dư thừa lấy thứ mà mình còn thiếu. Trong khi đó, kinh tế thị trường có nguồn gốc từ kinh tế hàng hoá phát triển cao. Theo C. Mác, kinh tế thị trường là một giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử mà bất cứ nền kinh tế nào cũng phải trải qua để đạt tới một tầm cao hơn trên con đường phát triển và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chính là nền kinh tế thị trường phát triển đến trình độ phổ biến và hoàn chỉnh. Nấc thang cao hơn chính là nền kinh tế cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Để chuyển lên nấc thang này, nền kinh tế thị trường phải phát triển hết mức, phải trở thành phổ biến trong đời sống kinh tế - xã hội.

Hiện nay, đưa nền kinh tế hàng hóa tại Việt Nam trở thành nền kinh tế thị trường lớn, hiện đại là một vấn đề lớn của lực lượng sản xuất, đồng thời cũng là một vấn đề của quan hệ sản xuất và nằm trong tầm nhìn chiến lược của quốc gia. Nền kinh tế hàng hoá tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế khiến chưa thực sự trở thành nền kinh tế hàng hoá lớn. Chẳng hạn, trong lĩnh vực xuất khẩu nông, thủy sản, cơ sở sản xuất, chế biến nông, thủy sản ở nước ta, nói chung còn lạc hậu, trong khi thị trường quốc tế lại khó tính, đòi hỏi rất cao về chất lượng, quy cách và mẫu mã sản phẩm. Bên cạnh những sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường, vẫn có những sản phẩm dù chất lượng rất tốt ,nhưng chưa xây dựng được thương hiệu.

### **3.2.2. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tên gọi mà Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra cho mô hình kinh tế hiện tại của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nó được mô tả là một nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, trong đó nhà nước giữ vai trò chủ đạo và có trách nhiệm định hướng nền kinh tế, với mục tiêu dài hạn là xây dựng chủ nghĩa xã hội

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của thời kỳ Đổi Mới, thay thế mô hình kế hoạch bằng nền kinh tế hỗn hợp với cơ chế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế vận hành đó là “thị trường điều tiết kinh tế, nhà nước điều tiết thị trường” sự hòa quyện hữu cơ giữa thị trường, nhà nước, và các chủ thể kinh tế. Định hướng phát triển của nền kinh tế thị trường đóng vai trò quyết định đến sự chính xác của hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế.

Mục tiêu phát triển của nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa là xây dựng lao động sản xuất hiện đại, liên kết với xây dựng Quốc hội mới phù hợp. Mục đích này nhằm giải phóng sản xuất, động viên mọi nguồn lực để thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nâng cao hiệu suất kinh tế-xã hội. Phát triển sản xuất kết hợp với cải thiện đời sống nhân dân, giảm nghèo, và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại đồng nghĩa với việc thiết lập mối quan hệ sản xuất mới, tiên tiến, hướng tới mục tiêu của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Mục đích chính là thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Điều này bao gồm việc giải phóng mạnh mẽ và liên tục phát triển năng suất sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Đồng thời, chú trọng vào việc giảm đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người tự doanh để tạo ra sự giàu có một cách công bằng, đồng thời hỗ trợ những người khác thoát khỏi tình trạng nghèo đói và từng bước cải thiện tình hình kinh tế.

Với sự phát triển không đồng đều của lao động sản xuất, nền kinh tế Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu tư liệu sản xuất. Điều này dẫn đến sự đa dạng trong thành phần kinh tế. Vì vậy nền kinh tế nước ta hiện nay tồn tại nhiều thành phần kinh tế. Trong nền kinh tế nhiều thành phần thì thành phần kinh tế Nhà nước có vai trò chủ đạo. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc và là sự khác biệt có tính bản chất giữa nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Mục đích của phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là khai thác mọi nguồn lực kinh tế, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này góp phần tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực, thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển bền vững.

Nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa thực hiện nhiều hình thức phân phối thu nhập, với phân phối theo lao động là chủ yếu. Cơ chế phân phối này tạo động lực cho các chủ thể kinh tế nâng cao hiệu suất và hạn chế bất công trong xã hội. Phát triển kinh tế liên kết với tiến bộ và công bằng xã hội.

Phân phối theo lao động là đặc trưng, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là hình thức thực hiện về mặt kinh tế của chế độ công hữu tư liệu sản xuất. Đây là phương thức phân phối chủ yếu đang được ưu tiên và phổ biến ở nước ta trong thời kỳ hiện nay. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu dựa trên kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Đồng thời, nó cũng phản ánh sự phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào quá trình sản xuất, kinh doanh, và thông qua các chính sách phúc lợi xã hội

Tăng trưởng kinh tế được liên kết chặt chẽ với việc đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ngay từng bước phát triển. Sự phát triển kinh tế không chỉ mang lại lợi ích về mặt vật chất mà còn đồng thời thúc đẩy phát triển văn hóa và giáo dục. Mục tiêu là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, phát triển đặc sắc văn hóa dân tộc, nâng cao dân trí, giáo

dục và đào tạo con người, cũng như xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng để đáp ứng nhu cầu của đất nước.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Quản lý này được thực hiện thông qua chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và pháp luật và bằng cả sức mạnh vật chất của lực lượng kinh tế nhà nước. Đồng thời cơ chế thị trường và quản lý Nhà nước được kết hợp để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động.

Cơ chế thị trường mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực, nhưng cũng đi kèm với những hạn chế. Một trong những khía cạnh tiêu cực đó là việc nhận thức không đúng bản chất của các quá trình kinh tế, có thể dẫn đến quyết định sai lầm và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế. Trong khi đó, quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế có thể dẫn đến độc quyền và hạn chế sự cạnh tranh.

Trong ngữ cảnh của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, Nhà nước quản lý nền kinh tế theo hình thức xã hội chủ nghĩa. Điều này là đặc điểm quan trọng nhất, làm cho nền kinh tế thị trường ở Việt Nam khác biệt so với nền sản xuất hàng hóa giản đơn của quá khứ và cũng khác với hình thức kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa. Do đó, cơ chế vận hành của nền kinh tế đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt giữa cơ chế thị trường và vai trò quản lý của Nhà nước. Sự điều hòa này giúp đảm bảo tính công bằng, hiệu quả và bền vững trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, tác động của cách mạng khoa học-công nghệ đang tạo ra quá trình khu vực hóa và toàn cầu hóa trong lĩnh vực kinh tế. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu hướng khách quan của thời đại, thu hút ngày càng nhiều quốc gia tham gia. Điều này không chỉ thúc đẩy hợp tác mà còn tăng cường sức ép cạnh tranh và tạo ra sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Hội nhập kinh tế quốc tế mang ý nghĩa quan



trọng đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là với Việt Nam, trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là biểu hiện của hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, cần đảm bảo vai trò định hướng và điều tiết của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế. Việc đánh giá đúng tình hình chính trị và kinh tế toàn cầu, nhận thức rõ vai trò của mở rộng quan hệ quốc tế, hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn lực nội địa, cũng như tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia là điểm mạnh của Đảng chúng ta. Chủ trương và đường lối chủ động hội nhập kinh tế quốc tế được đề ra một cách đúng đắn và kết hợp chặt chẽ với quá trình đổi mới kinh tế. Nhờ vào những nỗ lực này, trong thời gian gần đây, nền kinh tế của chúng ta đã tích cực hội nhập và tích cực tham gia vào nền kinh tế thế giới, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong lĩnh vực kinh tế-xã hội. Quy mô xuất nhập khẩu đã tăng lên, sự thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài để phát triển kinh tế ngày càng mạnh mẽ, và đời sống của nhân dân đã được cải thiện đáng kể. Do đó, việc mở cửa hội nhập được coi là không thể thiếu đối với quốc gia chúng ta

### **3.3. Quá trình vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của đảng ta trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

#### **3.3.1. Những thành tựu đạt được qua việc thực hiện đường lối đổi mới kinh tế**

Việc thực hiện đường lối đổi mới kinh tế tại Việt Nam đã đem lại nhiều thành tựu đáng kể. Các chỉ số kinh tế như tăng trưởng GDP, xuất khẩu, và thu nhập bình quân đầu người đã có những bước tiến lớn. Điều này không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đầu tư nước ngoài đã gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự đa dạng hóa kinh tế và sự hội nhập quốc tế. Đường lối đổi mới kinh tế tại Việt Nam đã chứng minh sức mạnh và hiệu suất của mô hình này thông qua những thành tựu ấn tượng. Một trong những điểm đáng chú ý nhất là sự tăng trưởng đáng kể trong chỉ số GDP. Việc áp dụng các biện pháp kinh tế đổi mới đã kích thích nền kinh tế, giúp nước ta vươn lên vị trí cao trong bảng xếp hạng kinh tế thế giới. Xuất khẩu là một trong những

động lực quan trọng, thể hiện sức cạnh tranh và tính quốc tế của nền kinh tế Việt Nam. Thông qua việc mở cửa thị trường và thúc đẩy quan hệ thương mại quốc tế, Việt Nam đã tạo ra những cơ hội mới cho doanh nghiệp và nâng cao vị thế quốc tế của mình. Sự gia tăng trong lĩnh vực này không chỉ mang lại nguồn thu nhập mạnh mẽ mà còn làm tăng giá trị thương hiệu quốc gia. Thu nhập bình quân đầu người là một thước đo quan trọng về chất lượng cuộc sống. Đối với người dân Việt Nam, sự gia tăng này không chỉ đơn thuần là con số trên giấy tờ thống kê mà còn là sự thay đổi rõ rệt trong đời sống hàng ngày. Nền kinh tế đổi mới đã mở ra nhiều cơ hội việc làm, tạo ra một môi trường kinh doanh sôi động, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống của cộng đồng. Điều đáng chú ý khác là sự gia tăng đầu tư từ nước ngoài. Việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ là nguồn vốn quan trọng mà còn là động lực để cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, nâng cao công nghệ, và mở rộng quy mô sản xuất. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn thúc đẩy sự đa dạng hóa kinh tế, giúp Việt Nam ngày càng tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Tóm lại, qua đường lối đổi mới kinh tế, Việt Nam đã chứng minh khả năng thích ứng và phát triển. Sự tăng trưởng vững vàng của GDP, xuất khẩu, và thu nhập bình quân đầu người không chỉ là những con số, mà là những bước tiến quan trọng đánh dấu sự phồn thịnh và tiến bộ của đất nước.

### **3.3.2. Những hạn chế qua việc thực hiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

Tuy nhiên, cùng với những thành công, còn tồn tại những thách thức và hạn chế trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Những vấn đề như bất đẳng, thiếu công bằng xã hội, và quản lý kinh tế không hiệu quả vẫn là những thách thức lớn. Hơn nữa, sự tăng cường của kinh tế thị trường cũng đôi khi gặp phải sự không ổn định và biến động trên thị trường tài chính quốc tế. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể thông qua xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa, song không thể phủ nhận rằng nước ta vẫn đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức đáng kể trong quá trình này. Một trong những thách thức lớn nhất là vấn đề bất đẳng xã hội. Mặc dù có sự tăng trưởng kinh tế, nhưng lợi ích từ sự phát triển này không phân phối đồng đều. Các tầng lớp xã hội, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn, vẫn đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt và bất công trong việc tiếp cận giáo dục, y tế và các dịch vụ cơ bản khác. Bất đẳng không chỉ là vấn đề về thu nhập mà còn là vấn đề về cơ hội và quyền lợi xã hội. Sự không hiệu quả trong quản lý kinh tế là một thách thức khác mà nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phải đối mặt. Hệ thống quản lý không linh hoạt, thiếu minh bạch và đôi khi bị thụ động có thể tạo ra cơ hội cho sự thất thoát tài nguyên và thậm chí làm tăng cường vấn đề tham nhũng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất mà còn gây tác động tiêu cực đến lòng tin của người dân vào hệ thống chính trị và kinh tế. Sự không ổn định và biến động trên thị trường tài chính quốc tế cũng là một nguy cơ lớn. Việc nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế tạo ra cơ hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn khi phải đối mặt với biến động toàn cầu. Sự chuyển động của thị trường tài chính quốc tế có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế nội địa, đặt ra nhiều thách thức trong việc duy trì ổn định và phát triển bền vững.

Tóm lại, bên cạnh những thành tựu, hạn chế trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam là điều không thể phủ nhận. Cần có sự quan tâm và giải pháp thông minh để vượt qua những thách thức này và xây dựng một cộng đồng xã hội công bằng, bền vững và phồn thịnh.

### **3.3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.**

Để vượt qua những thách thức trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam, có một số giải pháp thiết thực có thể được thực hiện. Một trong những biện pháp quan trọng là đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo. Điều này

bao gồm việc điều chỉnh chương trình giáo dục để phản ánh đầy đủ nhu cầu của thị trường lao động và khám phá cơ hội sáng tạo. Quá trình này cũng đòi hỏi sự tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp và hệ thống giáo dục để đảm bảo rằng học sinh và sinh viên được trang bị những kiến thức và kỹ năng thực tế. Ngoài ra, để nâng cao năng lực vận dụng quy luật quan hệ sản xuất, cần thiết phải tăng cường năng lực quản lý và sáng tạo trong doanh nghiệp. Điều này có thể đạt được thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát triển kỹ năng quản lý thông qua chương trình đào tạo, hội thảo, và tư vấn chuyên sâu. Khuyến khích sự đổi mới trong quy trình sản xuất và quản lý cũng là chìa khóa quan trọng để đạt được sự cạnh tranh và sáng tạo. Đồng thời, để tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh và tích cực, cần có các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp địa phương. Điều này bao gồm giảm bớt quy định không cần thiết, tăng cường minh bạch trong quy trình hành chính, cũng như cung cấp các chính sách hỗ trợ và ưu đãi để khuyến khích sự phát triển đa dạng và bền vững. Cuối cùng, việc tạo cơ hội cho doanh nghiệp hợp tác với cộng đồng, xã hội, và tổ chức phi chính phủ có thể thúc đẩy phát triển xã hội và giải quyết các vấn đề bất đẳng là một khía cạnh quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế..

Xây dựng cơ sở hạ tầng tài chính mạnh mẽ và thông tin thị trường để nâng cao khả năng dự báo và ứng phó với biến động. Tổng cộng, những giải pháp này không chỉ hỗ trợ nâng cao năng lực vận dụng quy luật quan hệ sản xuất mà còn tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực và bền vững. Sự đổi mới và tăng cường năng lực sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tương lai của nền kinh tế Việt Nam.

## **Phần 4**

### **KẾT LUẬN**

Quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nhìn chung là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của xã hội hiện nay. Bất kỳ một đất nước nào cũng áp dụng quy luật này để vận hành cũng như đổi mới nền kinh tế. Lực lượng sản xuất được quyết định bởi người lao động và đồng thời cả tư liệu sản xuất bởi muốn có lực lượng sản xuất có chất lượng cao thì cần những người lao động có kỹ năng, có trí tuệ, có khả năng sáng tạo, có thể lực cùng với tư liệu sản xuất cần thiết để phục vụ cho con người đó. Để có thể tận dụng tối đa lực lượng sản xuất thì quan hệ sản xuất cũng có vai trò không kém cạnh. Với ba loại quan hệ là sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức và quản lý sản xuất với phân phối sản phẩm, lực lượng sản xuất được tận dụng một cách tối đa để tạo ra nguồn của cải phong phú, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Lực lượng sản xuất không chỉ quyết định quan hệ sản xuất mà còn liên tục được tác động bởi chính quan hệ sản xuất. Đồng thời, quan hệ sản xuất cũng sẽ tác động trở lại lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển và nâng cao kỹ năng của người lao động, cũng như hiệu suất phương thức sản xuất. Thực tế, quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là một quan hệ tương tác song phương. Một mặt là lực lượng sản xuất, thông qua sự phát triển của công nghệ và kỹ năng lao động, quyết định hình thức và cấu trúc của quan hệ sản xuất. Mặt khác là quan hệ sản xuất, thông qua việc phân phối lại kết quả lao động và tạo ra môi trường cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, tác động trở lại lực lượng sản xuất, thúc đẩy hoặc hạn chế sự phát triển của nó. Vì vậy, việc nghiên cứu và hiểu rõ quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có ý nghĩa to lớn. Nó không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cơ chế hoạt động của nền kinh tế, mà còn cung cấp cho chúng ta những kiến thức, công cụ quan trọng để điều chỉnh và cải tiến quan hệ sản xuất, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Việt Nam đang hướng đến việc không chỉ nâng cao cơ sở hạ tầng và áp dụng công nghệ hiện đại mà còn tập trung vào việc phát triển nhân sự. Sự đồng bộ giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng lao động không chỉ mang lại hiệu suất kinh tế mà còn tạo ra môi trường lao động đáp ứng được với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường.

Việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho lao động trở thành một ưu tiên quan trọng. Điều này không chỉ giúp họ thích ứng với những yêu cầu công việc ngày càng phức tạp mà còn đảm bảo rằng họ có thể đóng góp hiệu quả vào quá trình sản xuất và quản lý.

Do đó, sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng với thách thức mà còn là động lực để Việt Nam vươn lên trong thế giới kinh tế toàn cầu, góp phần vào sự phồn thịnh và bền vững của nền kinh tế quốc gia.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Giáo trình triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội-2021
- [2]. Ngô Thị Ngọc Trinh, Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 có ảnh hưởng gì đến Việt Nam, <https://accgroup.vn/khung-hoang-kinh-te-dau-tien-tren-the-gioi>, ngày truy cập 20/12/2023
- [3]. Đức Hoài, Đô thị Việt Nam: Mất cân bằng cung – cầu nhà ở, <https://dantri.com.vn/bat-dong-san/do-thi-viet-nam-mat-can-bang-cung-cau-nha-o-20200115220930763.htm>, ngày truy cập 20/12/2023
- [4]. Lê Hữu Lợi, Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng ta trong việc giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất qua các kỳ Đại hội, [https://truongchinhtri.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/trang-chu/trang-tin-chi-tiet!/ut/p/z0/fcxBC4IwGMbxr-LF49jcTOdR8JIVIBToLjHn0rdkZm1S3z6Runb8\\_3h4sMAIfkZO0EoLg5H93JWIzkmSrckmDLa8yAKSFvvpPu4PlO8CnGPxfzA\\_wHUcRYqFGozVL4vLHmrPPtxgWk91YLo5wCdPib664M9M24E2yrmlagkTaKs699am0T6JGeecao1CEjcoZFGDah5JROmFSrYinCqG7zdRfQBjcOdD/#gsc.tab=0](https://truongchinhtri.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/trang-chu/trang-tin-chi-tiet!/ut/p/z0/fcxBC4IwGMbxr-LF49jcTOdR8JIVIBToLjHn0rdkZm1S3z6Runb8_3h4sMAIfkZO0EoLg5H93JWIzkmSrckmDLa8yAKSFvvpPu4PlO8CnGPxfzA_wHUcRYqFGozVL4vLHmrPPtxgWk91YLo5wCdPib664M9M24E2yrmlagkTaKs699am0T6JGeecao1CEjcoZFGDah5JROmFSrYinCqG7zdRfQBjcOdD/#gsc.tab=0), ngày truy cập 20/12/2023
- [5]. Lê Ngọc Hồng, Kinh tế hàng hóa là gì? Mối quan hệ với kinh tế thị trường?, <https://luatduonggia.vn/kinh-te-hang-hoa-la-gi-moi-quan-he-voi-kinh-te-thi-truong/>, ngày truy cập 21/12/2023
- [6]. Nguyễn Phú Trọng, Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Quan niệm và giải pháp phát triển, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/2081/kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia---quan-niem-va-giai-phap-phat-trien.aspx>, ngày truy cập 21/12/2023
- [7]. Trương Ngọc Nam, Về tính tất yếu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai->

[thu-dich/chi-tiet/-/asset\\_publisher/YqSB2JpnYto9/content/ve-tinh-tat-yeu-phat-trien-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-o-nuoc-ta](#), ngày truy cập 21/12/2023